

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/10/2013 ĐẾN NGÀY 31/12/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Võ Quốc Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Bà Giao Thị Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quốc Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Trung Cang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Bạc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Quốc Thắng
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Số: 011 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/02/2015, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong giá trị tài sản cố định vô hình có giá trị Quyền sử dụng đất là 1.477.835.000 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m² đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m² đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m² đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn). Các Quyền sử dụng đất này được hình thành từ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An (tên trước khi cổ phần hóa của Công ty) với các cá nhân chuyển nhượng. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty chưa hoàn thành việc chuyển Quyền sử dụng đất từ các cá nhân sang tên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013, đồng thời Công ty đã ghi nhận số liệu tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 cấp lần 3 ngày 01/10/2013 (cấp lần đầu ngày 12/7/2007), vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 135 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014, đã qua 15 tháng nhưng các cổ đông sáng lập của Công ty vẫn chưa góp đủ số vốn điều lệ theo đăng ký.



Nguyễn Minh Hùng

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tp. HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Ngọc Thạch

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/10/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		36.856.709.023	24.855.548.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.499.819.453	1.829.830.804
1. Tiền	111		4.499.819.453	1.829.830.804
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.537.107.085	7.422.144.072
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	8.537.107.085	7.422.144.072
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.644.314.825	1.616.463.910
1. Phải thu khách hàng	131		379.396.675	435.376.160
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.765.073.150	681.242.750
3. Các khoản phải thu khác	135	8	499.845.000	499.845.000
IV. Hàng tồn kho	140	9	19.508.542.172	12.012.599.721
1. Hàng tồn kho	141		19.508.542.172	12.012.599.721
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.666.925.488	1.974.510.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.850.736	788.017.402
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	10	1.025.163.014	942.156.046
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	347.911.738	244.337.002
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		219.325.087.470	226.243.248.128
I. Tài sản cố định	220		219.325.087.470	225.943.248.128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	217.441.679.615	218.497.119.729
- Nguyên giá	222		335.051.945.284	312.032.471.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.610.265.669)	(93.535.351.878)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.662.405.618	1.683.567.669
- Nguyên giá	228		1.751.741.000	1.712.941.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.335.382)	(29.373.331)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	221.002.237	5.762.560.730
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	300.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		256.181.796.493	251.098.797.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/10/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		128.619.496.711	128.228.617.349
I. Nợ ngắn hạn	310		44.501.419.873	23.147.161.767
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	7.930.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	15	11.286.561.836	4.653.814.920
3. Người mua trả tiền trước	313		771.097.063	148.543.104
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	471.803.854	1.246.024.238
5. Phải trả người lao động	315		2.821.842.841	576.978.625
6. Chi phí phải trả	316		1.000.000.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	17.967.765.648	14.410.673.813
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.252.348.631	2.111.127.067
II. Nợ dài hạn	330		84.118.076.838	105.081.455.582
1. Phải trả dài hạn khác	333		500.000.000	500.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	83.618.076.838	104.581.455.582
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		127.562.299.782	122.870.179.736
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	127.562.299.782	122.870.179.736
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.505.614.984	113.505.614.984
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.616.485.438	7.069.946.901
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.440.199.360	2.294.617.851
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		256.181.796.493	251.098.797.085



Phạm Quốc Thắng
Tổng Giám đốc
Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	105.342.872.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	105.342.872.888
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	66.417.573.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.925.299.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	554.094.032
7. Chi phí tài chính	22	24	6.521.438.480
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		6.521.438.480
8. Chi phí bán hàng	24		4.398.910.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.715.284.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		14.843.760.872
11. Thu nhập khác	31		496.103.443
12. Chi phí khác	32		194.781.830
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		301.321.613
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.145.082.485
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.653.267.392
16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (50=50-51)	60		11.491.815.093
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.012



Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

Phạm Quốc Thắng
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	15.145.082.485
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	2	24.475.645.842
- (Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	5	554.094.032
- Chi phí lãi vay	6	6.521.438.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động	8	46.696.260.839
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(1.214.432.619)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.495.942.451)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	9.756.989.541
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	494.166.666
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.521.438.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.599.752.420)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.185.941.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.929.909.622
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.857.485.184)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.114.963.013)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(554.094.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.226.542.229)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.033.378.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.033.378.744)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	2.669.988.649
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.829.830.804
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	4.499.819.453



Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

Phạm Quốc Thắng
Tổng Giám đốc
Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 03 ngày 01/10/2013 về việc chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 126 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty Cổ phần.

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-45
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	05-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tiền mặt	352.495.418	117.823.074
Tiền gửi ngân hàng	4.147.324.035	1.712.007.730
Cộng	4.499.819.453	1.829.830.804

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	8.537.107.085	7.422.144.072
Cộng	8.537.107.085	7.422.144.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Trả trước dự án Nhà máy nước Bảo Định giai đoạn I	619.989.650	619.989.650
Trả trước Công trình ống D300 TL832 - An Nhứt Tân	865.000.000	-
Trả trước khác	280.083.500	61.253.100
Cộng	1.765.073.150	681.242.750

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Phải thu tiền cổ phần hóa	499.845.000	499.845.000
Cộng	499.845.000	499.845.000

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.508.542.172	12.012.599.721
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.508.542.172	12.012.599.721
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	19.508.542.172	12.012.599.721

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	1.025.163.014	286.794.864
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.520.547
Thuế tài nguyên	-	635.840.635
Cộng	1.025.163.014	942.156.046

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	5	5
Tạm ứng	347.911.733	244.336.997
Cộng	347.911.738	244.337.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/10/2013	197.978.738.364	20.942.832.288	91.060.291.563	2.050.609.392	312.032.471.607
Mua trong năm	-	231.850.088	-	30.000.000	261.850.088
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.378.713.959	3.514.687.459	7.883.866.262	1.321.125.909	23.098.393.589
Thanh lý	(340.770.000)	-	-	-	(340.770.000)
Tại ngày 31/12/2014	208.016.682.323	24.689.369.835	98.944.157.825	3.401.735.301	335.051.945.284
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/10/2013	51.488.572.089	8.173.828.971	32.669.970.284	1.202.980.534	93.535.351.878
Khấu hao trong năm	15.309.852.324	2.313.737.342	6.551.709.951	240.384.174	24.415.683.791
Thanh lý	(340.770.000)	-	-	-	(340.770.000)
Tại ngày 31/12/2014	66.457.654.413	10.487.566.313	39.221.680.235	1.443.364.708	117.610.265.669
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/10/2013	146.490.166.275	12.769.003.317	58.390.321.279	847.628.858	218.497.119.729
Tại ngày 31/12/2014	141.559.027.910	14.201.803.522	59.722.477.590	1.958.370.593	217.441.679.615

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.069.456.079 VND.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/10/2013	1.477.835.000	235.106.000	1.712.941.000
Mua trong năm	-	38.800.000	38.800.000
Tại ngày 31/12/2014	1.477.835.000	273.906.000	1.751.741.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/10/2013	-	29.373.331	29.373.331
Khấu hao trong năm	-	59.962.051	59.962.051
Tại ngày 31/12/2014	-	89.335.382	89.335.382
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/10/2013	1.477.835.000	205.732.669	1.683.567.669
Tại ngày 31/12/2014	1.477.835.000	184.570.618	1.662.405.618

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m² đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m² đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m² đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An –Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	01/10/2013 VND
Công trình cải tạo giếng số 6, 7, 9 - Xí nghiệp Bình Ảnh	-	3.088.337.182
Công trình lắp đặt ống D500 Tỉnh lộ 10	104.793.636	104.793.636
Công trình cải tạo giếng khoan khai thác G10 - Xí nghiệp Bình Ảnh	-	1.034.884.000
Công trình khác	116.208.601	1.534.545.912
Cộng	221.002.237	5.762.560.730

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

Tại ngày 01/10/2013	5.762.560.730
Tăng trong năm	17.556.835.096
Kết chuyển tài sản cố định trong năm	(23.098.393.589)
Tại ngày 31/12/2014	221.002.237

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND	01/10/2013 VND
Công ty liên doanh Hóa nhựa Đệ Nhất	4.176.832.440	-
Công ty Cổ phần Hawaco	1.733.570.300	-
Công ty TNHH Ha Đạt	1.012.816.200	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	1.006.250.036	-
Công ty TNHH Thương mại NTP	748.347.600	431.025.650
Công ty Cổ phần KTMT Khang Ngọc	-	107.250.000
Phải trả người bán khác	2.608.745.260	4.115.539.270
Cộng	11.286.561.836	4.653.814.920

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/10/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.539.210	1.246.024.238
Thuế thu nhập cá nhân	1.825.284	-
Thuế tài nguyên	170.439.360	-
Cộng	471.803.854	1.246.024.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	30.000.000	30.305.680
Công ty Cổ phần Công nghiệp Long An	5.499.285.000	6.549.285.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	7.574.639.663	7.684.433.671
Cổ tức phải trả	4.472.532.029	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	391.308.956	146.649.462
Cộng	17.967.765.648	14.410.673.813

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Vay dài hạn		
Quỹ Đầu tư và Phát triển (i)	-	3.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (ii)	83.618.076.838	101.581.455.582
Cộng	83.618.076.838	104.581.455.582

- (i) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 07/2012.HĐTD ngày 13 tháng 11 năm 2012 với số tiền vay hạn mức là 3.500.000.000 VND, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 3 năm 2 tháng, với lãi suất vay là 12,6%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là hệ thống cấp nước Khu đô thị Gò Đen giai đoạn II theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HDTCTS-QDTPT ngày 13/11/2012.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31 tháng 3 năm 2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014
	VND
Trong vòng một năm	7.930.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	25.720.000.000
Sau năm năm	57.898.076.838
Cộng	91.548.076.838
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.930.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	83.618.076.838

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư tại ngày 01/10/2013	113.505.614.984	7.069.946.901	2.294.617.851	-	122.870.179.736
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.491.815.093	11.491.815.093
Trích cổ tức trong năm	-	-	-	(4.472.532.029)	(4.472.532.029)
Trích quỹ trong năm	-	3.546.538.537	1.145.581.509	(6.983.283.064)	(2.291.163.018)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>113.505.614.984</u>	<u>10.616.485.438</u>	<u>3.440.199.360</u>	<u>-</u>	<u>127.562.299.782</u>

Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 26/9/2013, Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận với giá trị là 11.491.815.093 VND như sau:

- Chia cổ tức năm 2014: 4.472.532.029 VND.
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 36.000.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.291.163.018 VND (tương đương 20% lợi nhuận sau thuế 2014).
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 3.546.538.537 VND (tương đương 30% lợi nhuận sau thuế 2014).
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.145.581.509 VND (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế 2014)

Việc tạm phân phối lợi nhuận với giá trị là 11.491.815.093 VND nêu trên sẽ chính thức được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 chính thức thông qua trong thời gian tới.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>
	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.350.561
+ Cổ phiếu phổ thông	11.350.561
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.350.561
+ Cổ phiếu phổ thông	11.350.561
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<u>Theo giấy chứng nhận đầu tư</u>		<u>Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Cổ phần nhà nước	101.250.000.000	75,00	85.129.211.238	75,00
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	31.434.400.000	23,28	26.429.488.175	23,28
Cổ đông khác	2.315.600.000	1,72	1.946.915.571	1,72
	<u>135.000.000.000</u>	<u>100,0</u>	<u>113.505.614.984</u>	<u>100,0</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND****Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****105.342.872.888**

Trong đó:

- Doanh thu cung cấp nước

95.791.965.567

- Doanh thu lắp đặt đường ống

9.550.907.321

Các khoản giảm trừ doanh thu**-****Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****105.342.872.888****21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND**

Giá vốn cung cấp nước

56.123.628.787

Giá vốn lắp đặt đường ống

10.293.944.627

Cộng**66.417.573.414****22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

23.488.948.022

Chi phí nhân công

22.874.573.432

Chi phí khấu hao tài sản cố định

24.475.645.842

Chi phí dịch vụ mua ngoài

6.124.330.501

Chi phí khác bằng tiền

7.568.269.771

Cộng**84.531.767.568****23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND**

Lãi tiền gửi

554.094.032

Cộng**554.094.032****24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND**

Lãi tiền vay

6.521.438.480

Cộng**6.521.438.480**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Từ 01/10/2013****Đến 31/12/2014****VND****Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại****Lợi nhuận trước thuế****15.145.082.485**

Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ

1.031.730.481

Thu nhập chịu thuế**16.176.812.966**

Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 25%

3.145.618.005

Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 22%

13.031.194.961

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**3.653.267.392**

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN**Từ 01/10/2013 đến****31/12/2014****VND**

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

11.491.815.093

Số cổ phiếu bình quân gia quyền của

cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu

11.350.561

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

1.012

Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu

10.000

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Các khoản vay	91.548.076.838	104.581.455.582
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	1.829.830.804
Nợ thuần	87.048.257.385	102.751.624.778
Vốn chủ sở hữu	127.562.299.782	122.870.179.736
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,68	0,84

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	1.829.830.804
Đầu tư tài chính	8.537.107.085	7.722.144.072
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.241.675	935.221.160
Tổng cộng	13.916.168.213	10.487.196.036
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	91.548.076.838	104.581.455.582
Phải trả người bán và phải trả khác	29.724.327.484	19.534.183.053
Chi phí phải trả	1.000.000.000	-
Tổng cộng	122.272.404.322	124.115.638.635

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 2 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	-	-	4.499.819.453
Đầu tư tài chính	8.537.107.085	-	-	8.537.107.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.241.675	-	-	879.241.675
Tổng cộng	13.916.168.213	-	-	13.916.168.213
Vay và nợ	7.430.000.000	26.220.000.000	57.898.076.838	91.548.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	29.224.327.484	500.000.000	-	29.724.327.484
Chi phí phải trả	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Tổng cộng	37.654.327.484	26.720.000.000	57.898.076.838	122.272.404.322
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.738.159.271)	(26.720.000.000)	(57.898.076.838)	(108.356.236.109)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
01/10/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.829.830.804	-	-	1.829.830.804
Đầu tư tài chính	7.422.144.072	300.000.000	-	7.722.144.072
Phải thu khách hàng và phải thu khác	935.221.160	-	-	935.221.160
Tổng cộng	10.187.196.036	300.000.000	-	10.487.196.036
Vay và nợ	13.033.378.744	27.220.000.000	64.328.076.838	104.581.455.582
Phải trả người bán và phải trả khác	19.034.183.053	500.000.000	-	19.534.183.053
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Tổng cộng	32.067.561.797	27.720.000.000	64.328.076.838	124.115.638.635
Chênh lệch thanh khoản thuần	(21.880.365.761)	(27.420.000.000)	(64.328.076.838)	(113.628.442.599)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/10/2013 Đến 31/12/2014 VND
- Lương, thưởng	906.644.249
- Thù lao Hội đồng Quản trị	36.000.000

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2013 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An phê duyệt theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc chuyển Công ty sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013.



Phạm Quốc Thắng

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong

Kế toán trưởng